

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2020.
*V/v: Kiện không công nhận quan hệ
vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông K K'ranh và bà Cù Thị Như Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “*Kiện không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc T chung sống với chị Lưu Thị H như vợ chồng vào năm 2003, có tổ chức hôn lễ nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hoà hợp. Hai người đã không chung sống với nhau một thời gian dài. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H. Về con chung: Thời gian chung sống anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Thuý K, sinh ngày 12/01/2004. Anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu giao cháu Thuý K

cho chị Lưu Thị H nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lưu Thị H trình bày:

Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Ngọc T có chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn nên cả hai đã quyết định không sống chung một thời gian. Nay nhận thấy việc chung sống không thể tiếp tục nên chị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị. Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc T có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Thuý Kiều, sinh ngày 12/01/2004. Chị đồng ý với ý kiến của anh Nguyễn Ngọc T. Chị sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa xác định việc chấp hành của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự đều chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Ngày 19/5/2020 anh T nộp đơn xin ly hôn với chị H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Kiện không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 3, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và từ đó đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn ở cơ quan có thẩm quyền. Việc anh T và chị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm

2003 đến nay mà không có đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. ...”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *‘Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật này’*”.

Vì vậy anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Lưu Thị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thuý K, sinh ngày 12/01/2004 theo giấy khai sinh số 559, quyển số 03, ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; đến thời điểm xét xử đã được 16 tuổi 06 tháng 04 ngày. Anh T và chị H đã thoả thuận giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ngoài ra, chị H hiện có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định, trước giờ chị cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thuý Kiều; cháu là con gái, hiện bị bệnh, không thể tự chăm sóc bản thân nên việc giao cháu cho mẹ nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cuộc sống tốt hơn cho cháu. Từ những phân tích trên, xét thấy cần công nhận sự thoả thuận về nuôi con giữa anh T và chị H, giao cháu Nguyễn Thị Thuý K cho chị Lưu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 BLTTDS.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H là vợ chồng;

2. *Về con chung*: Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Ngọc T và chị Lưu Thị H. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thuý K, sinh ngày 12/01/2004 cho chị Lưu Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Thị Thuý K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; không được cản trở người không trực tiếp nuôi trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002181 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

6. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố G (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiếm